



CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN
Erection Electromechanics Testing Joint Stock Company
Số 434-436 Nguyễn Trãi - Trung Văn-Nam Từ Liêm- Hà Nội
Tel: 04.35543839 Fax: 04. 35543790
Website: www.emetc.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Lắp Máy – Thí Nghiệm Cơ Điện
Năm báo cáo: 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện
- Tên công ty viết bằng tiếng anh: ERECTION – ELECTROMECHANICS TESTING JOINT STOCK COMPANY.
- Tên công ty viết tắt: EMETC., JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100106458 thay đổi lần thứ 10, cấp ngày 15 tháng 05 năm 2018
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 434-436 Đường Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.35543839
- Số Fax: 024.35543790
- Website: www.emetc.com.vn
- Mã cổ phiếu: LCD

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí Nghiệm Cơ Điện tiền thân là Trung tâm nghiên cứu kinh tế kỹ thuật Lắp máy (sau gọi tắt là Trung tâm) thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, công ty đã tạo dựng được uy tín lớn trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, đặc biệt là trong lĩnh vực chuyên ngành của công ty là dịch vụ kiểm tra không phá hủy và lắp đặt, thí nghiệm điện. Để có được vị trí như ngày hôm nay không phải là điều dễ dàng, đó là kết quả của những nỗ lực không mệt mỏi, của trí tuệ, tinh thần sáng tạo, học hỏi kết hợp với kinh nghiệm và nhiệt huyết của bao thế hệ cán bộ công nhân viên công ty.

Chặng đường hình thành và phát triển của công ty được đánh dấu bằng những mốc thời gian quan trọng:



- Năm 1980: Thành lập trung tâm nghiên cứu kinh tế kỹ thuật Lắp máy

- Năm 1993: Đổi tên thành Xí nghiệp Lắp máy và thí nghiệm cơ điện

- Năm 1996: Đổi tên thành công ty Lắp máy và thí nghiệm cơ điện

- Ngày 08 tháng 01 năm 2004: Bộ Xây Dựng có quyết định số 54 /QĐ-BXD cổ phần hoá Công ty Lắp Máy và Thí Nghiệm Cơ Điện thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam thành Công ty Cổ Phần lắp máy và thí nghiệm cơ điện với số vốn điều lệ là: 5.600.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 2.903.600.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 2.696.400.000 đồng (Chiếm 48,15%). Công ty cổ phần Lắp máy và Thí Nghiệm Cơ điện đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05 tháng 03 năm 2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Ngày 15 tháng 01 năm 2007: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ nhất do thay đổi giám đốc và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Ngày 04 tháng 07 năm 2007: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 2, đổi tên thành Công ty Cổ Phần LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện và tăng vốn điều lệ lên 13.500.000.000 đồng trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 6.999.750.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 6.500.250.000 đồng (Chiếm 48,15%).

- Ngày 13 tháng 03 năm 2008: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 3, Công ty chuyển trụ sở chính từ 124 Minh Khai- Hai Bà Trưng -Hà Nội về số 434-436 đường Nguyễn Trãi- Xã Trung Văn - Huyện Từ Liêm – TP Hà Nội và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Mỗi mốc thời gian đó đều đánh dấu một bước trưởng thành mới của công ty và là sự khởi đầu cho bước phát triển tiếp theo.

- Ngày 08 tháng 10 năm 2010: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 737/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Lắp máy- Thí nghiệm cơ điện. Ngày 15 tháng 11 năm 2010 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lắp máy- Thí nghiệm cơ điện (Mã chứng khoán: LCD) chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Ngày 31 tháng 08 năm 2011: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 4, Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Kinh doanh bất động sản, tư vấn bất động sản, hoạt động tư vấn quản lý, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

- Ngày 13 tháng 04 năm 2012: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 5. Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Sản xuất các phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.....

- Ngày 04 tháng 01 năm 2013: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 6, Công ty bổ sung vốn điều lệ từ 13.500.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng

- Ngày 06 tháng 06 năm 2014: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 7, Công ty thay đổi tên công ty từ Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện sang Công ty CP lắp máy – Thí nghiệm cơ điện.

- Ngày 24 tháng 09 năm 2014 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 8.

- Ngày 29 tháng 04 năm 2016 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 9.

- Ngày 14 tháng 05 năm 2018 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 10

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của công ty:

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật. Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của công ty mà pháp luật cho phép. Hiện nay, ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm:

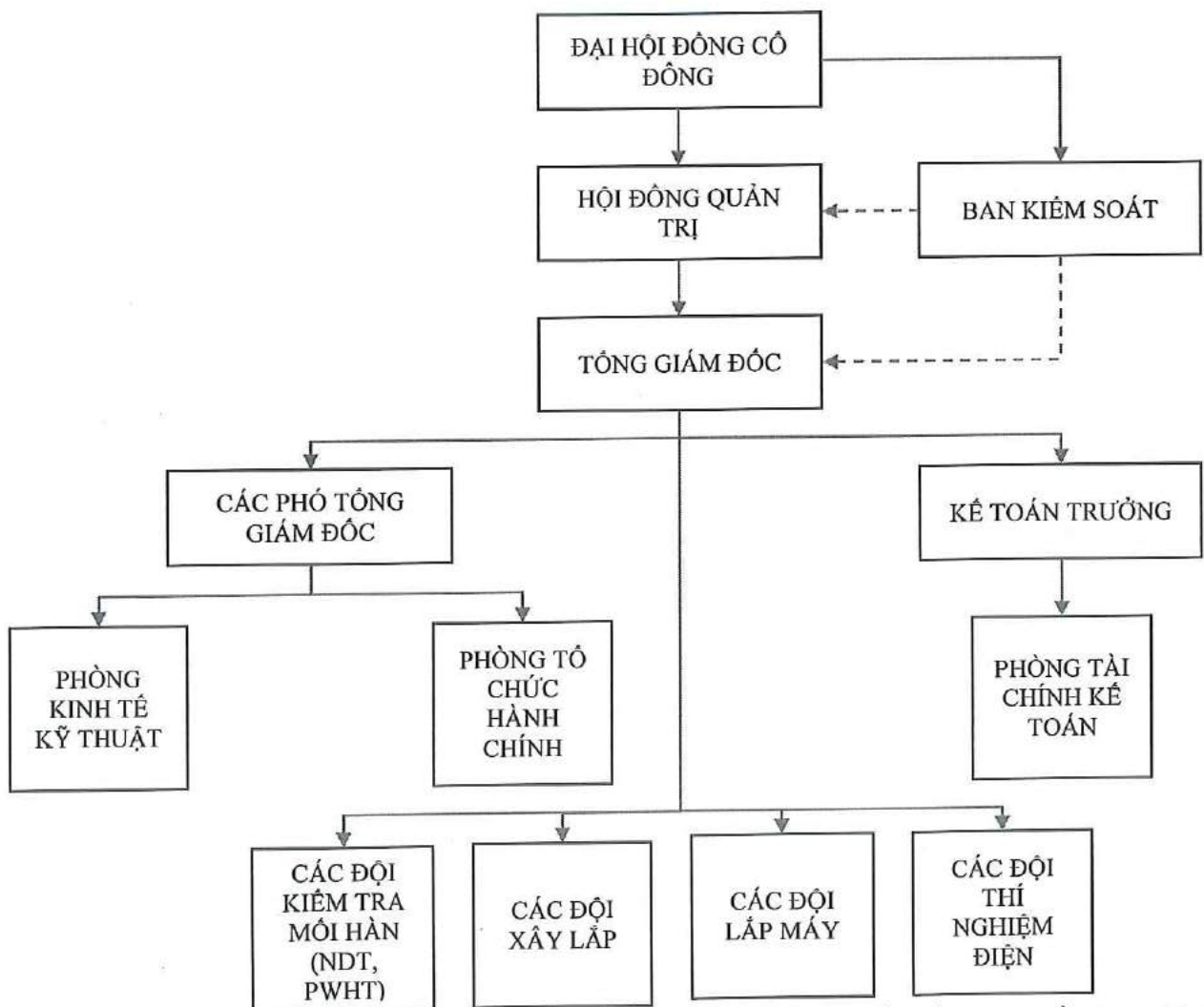
- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Sản xuất phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- Lắp đặt điện, nước, thiết thông gió, điều hoà không khí;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị điện đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây truyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Kiểm tra không phá huỷ (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử mẫu và kiểm tra chân không;
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các môi hàn kim loại.
- Kinh doanh bất động sản.
- Tư vấn bất động sản.
- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng

- Lắp đặt hệ thống điện
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán buôn đồ điện gia dụng, điều hòa nhiệt độ
- Sửa chữa máy móc, thiết bị

- Địa bàn kinh doanh:

Với chức năng, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, địa bàn kinh doanh của công ty trải khắp các vùng miền trong cả nước, tham gia thi công xây lắp tất cả các công trình công nghiệp, dân dụng, quốc phòng... Trong thời gian tới, công ty dự định mở rộng địa bàn hoạt động ra nước ngoài.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành- đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban và đội trưởng các công trình

Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu của Công ty trong dài hạn theo định hướng trong Đề án Tái cấu trúc công ty là: Nâng cao năng lực, sức cạnh tranh trong lĩnh vực Thí nghiệm kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (NDT), thí nghiệm hiệu chuẩn thiết bị điện – thiết bị đo lường, hướng đến trở thành công ty hàng đầu Việt Nam về lĩnh vực kiểm tra NDT và thí nghiệm hiệu chuẩn.

Năm 2021 Công ty tập trung vào 2 mục tiêu lớn là:

a. Đối với công tác tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, tiếp tục phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, xác định sơ đồ tổ chức giai đoạn 2021 – 2025 của toàn Công ty, tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý lãnh đạo tại Công ty.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển Công ty, thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo 2021, nội dung đào tạo theo các hình thức khác nhau đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho quản lý, sản xuất và kinh doanh, phù hợp với điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Tiếp tục thực hiện hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ, áp dụng đồng bộ với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.
- Xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các công trường trọng điểm góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

b. Đối với các hoạt động SXKD:

- Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính, xây dựng và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch SXKD. Tiếp tục nâng cao năng lực và làm tốt công tác thị trường – Marketing cho cả 2 lĩnh vực xây lắp và kiểm tra không phá hủy cả trong nước và ngoài nước.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị, công nghệ đã đầu tư, đánh giá ưu và nhược điểm, và đề ra các kế hoạch đầu tư cho giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục cải tiến các nội dung quản lý để kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng sản phẩm do Công ty thực hiện.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

a. Sản xuất kinh doanh:

- Hoàn thành về sắp xếp và chuyển đổi mô hình quản lý, chuyển đổi căn bản về năng lực quản lý của Công ty
- Tăng trưởng cao mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư chiều sâu để tiếp tục phát huy những thế mạnh về các công việc sở trường truyền thống của Công ty trong những năm qua đó là công tác thí nghiệm điện và công tác kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá huỷ NDT.
- Tăng cường đầu tư, hợp tác đầu tư, tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề và phạm vi kinh doanh, dịch chuyển cơ cấu kinh doanh, nghiên cứu và mạnh dạn phát triển thêm một số công việc khác: sản xuất các tủ bảng điện, máng cáp, chế tạo và lắp đặt các thiết bị, kết cấu thép...

b. Tài chính:

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- Tích cực tìm nguồn vốn với chi phí thấp

c. Công tác đời sống của CBCNV:

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, phấn đấu nâng mức thu nhập bình quân hàng tháng đạt và vượt 8.400.000 đồng/người/tháng.
- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
- Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời cho CBCNV.
- Đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, xoá bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực tham gia các phong trào với địa phương có hiệu quả.

4. Các rủi ro:

Trong hoạt động kinh doanh của mình, công ty có nguy cơ gặp các rủi ro như sau:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh toán

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của công ty.

4.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro về tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về tỷ giá. Công ty gần như không bị ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do giá trị tài sản của công ty có gốc ngoại tệ là rất thấp

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về lãi suất. Rủi ro này của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thả nổi.

c. Rủi ro giá

Rủi ro về giá chủ yếu mà công ty phải đối mặt là biến động giá của nguyên, nhiên vật liệu đầu vào giữa thời điểm ký hợp đồng và thời điểm thi công

4.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác / chủ đầu tư của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của công ty.

4.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của công ty và luồng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

Trong những năm gần đây, với chức năng và nhiệm vụ của mình, công ty đã thực hiện và hoàn thành nhiều công trình lớn, quan trọng như : Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn, nhà máy nhiệt điện Mông Dương, khu công nghiệp Formosa Hà Tĩnh, nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, nhiệt điện Thái Bình, nhiệt điện Sông Hậu, nhiệt điện Long Phú, NM điện mặt trời Sông Giang, NM Nhiệt điện Nghi Sơn 2, NM điện mặt trời áp mái...Đào tạo được đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao, đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có khả năng kế thừa và phát triển để đảm nhận quản lý và thực hiện những dự án có quy mô lớn.

Mặc dù năm 2021 nền kinh tế có nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Trong tình hình dịch COVID diễn biến phức tạp trên cả nước, tình hình tài chính của công ty được kiểm soát tốt dù doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh không đạt kế hoạch. Năng lực và uy tín của Công ty đối với các chủ đầu tư, đối tác, khách hàng đã được khẳng định và nâng lên một tầm cao mới.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2021 (Đồng) |
|----|-----------------------------|---------------------------|
| 1 | Giá trị sản xuất kinh doanh | 141.060.214.794 |
| 2 | Tổng doanh thu | 107.054.740.722 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 2.680.267.315 |
| 4 | Nộp ngân sách | 6.646.305.951 |
| 5 | Thu nhập bình quân | 8.477.276 |
| 6 | Đầu tư | 0 |
| 7 | Tỷ lệ chia cổ tức % | |

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

| TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2021 (Đồng) | Thực hiện năm 2021 (Đồng) | Tỷ lệ % so kế hoạch |
|----|-----------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------|
| 1 | Giá trị sản xuất kinh doanh | 150.027.000.000 | 141.060.214.794 | 94.02% |
| 2 | Tổng doanh thu | 111.876.000.000 | 107.054.740.722 | 95.7% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 3.356.000.000 | 2.680.267.315 | 79.86% |
| 4 | Nộp ngân sách | 6.392.000.000 | 6.646.305.951 | 103.98% |
| 5 | Thu nhập bình quân | 8.489.000 | 8.477.276 | 99.86% |
| 6 | Đầu tư | 10.000.000.000 | 0 | 0 |
| 7 | Tỷ lệ chia cổ tức % | 3% | | |

-Thuận lợi

- Được sự giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi của các đối tác, các cơ quan chính quyền địa phương TP Hà Nội và các địa phương nơi công ty thi công.
- Sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể trong Công ty.
- Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng kinh tế.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành:

| T T | Họ và tên | Năm sinh | Nghề nghiệp | Chức vụ | Quê quán | Số CP sở hữu |
|----------------|------------------|-----------------|--------------------|----------------|---------------------|-------------------------|
| 1 | Hoàng Văn Lít | 09/01/1970 | Kỹ sư điện | TGD | Đông Anh – Hà Nội | 45.555 |
| 2 | Nguyễn Thành Đại | 21/06/1979 | Kỹ sư điện | PTGD | Hà Đông – Hà Nội | 5.000 |
| 3 | Nguyễn Sỹ Thành | 21/12/1976 | Kỹ sư điện | PTGD | Tuy Hòa - Hải Dương | 5.000 |
| 4 | Lê Văn Định | 17/07/1970 | Kỹ sư điện | CT.HĐQT | Ứng Hòa – Hà Nội | 10.633 |
| 5 | Vũ Hoàng Tùng | 05/07/1985 | Cử nhân kinh tế | KTT | Bà Triệu – Hà Nội | 286.350 |

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2021 công ty CP lắp máy – TNCD không có sự thay đổi trong ban điều hành

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên, chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động đến 31/12/2021 là 113 người; Trong đó

- Hợp đồng dài hạn là: 55 người
- Hợp đồng lao động thời hạn trên 3 tháng: 55 người
- Hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng là: 3 người

- Chính sách đối với người lao động:

- Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.
- Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua,
- Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.
- Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.
- Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.
- Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Kế hoạch đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất năm 2021 là 10.000.000.000 đồng. Công ty thực hiện được: 0 đồng khoản đầu tư nào.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Hiện tại, Công ty không có công ty con/công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

Trên cơ sở nhận định khách quan, sát thực về cơ hội và thách thức, bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2021, Công ty đã đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể, phù hợp; lãnh đạo và điều hành linh hoạt theo diễn biến của nền kinh tế, đặc biệt nắm bắt, khai thác các cơ hội một cách hiệu quả. Trong những thời điểm khó khăn nhất về vốn của thị trường Việt Nam, Công ty vẫn kiểm soát được tài chính, đảm bảo được vốn cho hoạt động. Thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên, cho các nhà cung cấp vật tư, nhà thầu phụ, các đơn vị thi công của Công ty đúng tiến độ và kế hoạch. Một số chỉ tiêu đánh giá tài chính trong năm như sau:

a. Các chỉ tiêu tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2020 (Đồng) | Năm 2021 (Đồng) | Tỷ lệ % đạt so với năm 2020 |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 154.284.232.736 | 141.088.988.253 | 91.45% |
| Doanh thu thuần | 133.707.428.953 | 107.054.740.722 | 80.07% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 3.364.035.844 | 2.327.331.338 | 69.17% |
| Lợi nhuận khác | 222.970.942 | 352.935.977 | 158.29% |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.587.006.786 | 2.680.267.315 | 74.7% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.991.134.084 | 1.778.114.732 | 59.45% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | | | |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | Ghi chú |
|-----|---|----------|----------|---------|
| 1 | <p>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:</p> <p style="padding-left: 40px;">TSLĐ/Nợ ngắn hạn</p> <p style="padding-left: 40px;">1.10</p> <p style="padding-left: 40px;">1.14</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh:</p> <p style="padding-left: 40px;"><u>TSLĐ-Hàng tồn kho</u></p> <p style="padding-left: 40px;">Nợ ngắn hạn</p> <p style="padding-left: 40px;">0.72</p> <p style="padding-left: 40px;">0.85</p> | | | |

| | | | | |
|---|--|---|---|--|
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | 0.8 4.05 | 0.78 3.47 | |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 2.71 0.87 | 3.05 0.76 | |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | 0.022 0.1 0.02 0.025 | 0.02 0.06 0.01 0.022 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần công ty hiện có là 1.500.000 trong đó có 55 cổ phiếu quỹ

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông cá nhân

| STT | Họ và tên | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu(%) |
|-----|-------------------|-------------------|-----------------|
| 1 | Hoàng Hữu Hải | 274.546 | 18.3 |
| 2 | Vũ Hoàng Tùng | 286.350 | 19.09 |
| 3 | Vũ Thị Thúy Giang | 255.000 | 17 |

| | | | |
|---|------------------|--------|------|
| 4 | Hoàng Văn Lít | 45.555 | 3.04 |
| 5 | Các cá nhân khác | 95.645 | 6.38 |

- Cổ đông tổ chức/nhà nước

| TT | Họ và tên | Địa chỉ | Số Đăng ký kinh doanh | Cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----|---|---|-----------------------|---------|------------------|
| 1 | Tổng công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV | 124 Minh Khai, Hà Nội | 0100106313 | 542.750 | 36.18 |
| 2 | Công CP Chứng khoán An Bình | Tầng 16, số 36 phố Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội | 23/GCNTVLK | 11 | 0.0007 |
| 3 | Công ty CP chứng khoán SSI | Số 72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM | 02/GCNTVLK-3 | 11 | 0.0007 |
| 4 | Công ty cổ phần chứng khoán VPS | Khu văn phòng số 65 phố Cẩm Hội, P. Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 30/GCNTVLK | 77 | 0.005 |
| 5 | Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện | 434-436 Nguyễn Trãi – Trung Văn – Nam Từ Liêm – HN | 0100106458 | 55 | 0.004 |

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2021 công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ

- Chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ: 89.160 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiết kiệm khoảng 1% tổng năng lượng sử dụng thông qua chương trình tiết kiệm.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Nước sạch Hà Đông

- Sử dụng: 360 khối

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 1%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền bị xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 113 người

- Mức lương bình quân: 8.347.511 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn phúc lợi của người lao động

- Đảm bảo đủ việc làm cho cán bộ công nhân viên, tăng hiệu quả sản xuất để tăng thu nhập cho người lao động

- Thực hiện quy chế khen thưởng, phúc lợi, thăm hỏi trợ cấp kịp thời cho CBCNV

- Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty tổ chức chương trình đào tạo kiểm tra chất lượng mỗi hàn bằng phương pháp không phá hủy NDT và An toàn bức xạ trong công nghiệp tại Trung tâm đánh giá không phá NDE. Công ty có 01 chuyên gia NDT bậc III quốc tế, đảm bảo cho sự tăng trưởng của công tác NDT trong thời gian tới.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và địa phương, tích cực tham gia các hoạt động phong trào giữ gìn và bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp

- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện và ủng hộ tại địa phương

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch**

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2021 (Đồng) | Thực hiện năm 2021 (Đồng) | Tỷ lệ % so kế hoạch | Tỷ lệ % so với 2020 |
|-----|-----------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------|---------------------|
| 1 | Giá trị sản xuất kinh doanh | 150.027.000.000 | 141.060.214.794 | 94% | 83.58% |
| 2 | Tổng doanh thu | 111.876.000.000 | 107.054.740.722 | 95.7% | 80.1% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 3.356.000.000 | 2.680.267.315 | 79.86% | 74.7% |
| 4 | Nộp ngân sách | 6.392.000.000 | 6.646.305.951 | 103.98% | 152.82% |
| 5 | Thu nhập bình quân | 8.489.000 | 8.477.276 | 99.86% | 100.4% |
| 6 | Đầu tư | 10.000.000.000 | 0 | 0% | 0% |
| 7 | Tỷ lệ chia cổ tức % | 3% | | | |

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

a. Về công tác tổ chức và quản lý:

- Năm 2021 nhân sự bộ máy lãnh đạo quản lý của Công ty tiếp tục được bổ sung và kiện toàn, năng lực quản lý tiếp tục nâng cao đáp ứng yêu cầu quản lý tốt các hoạt động của Công ty.
- Nguồn nhân lực được tinh giảm về số lượng nhưng nâng cao về chất lượng, công tác tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nhân lực được thực hiện theo quy trình phù hợp có tính kế hoạch cụ thể và đạt được kết quả tích cực..
- Sửa đổi, xây dựng mới và ban hành một số quy chế, điều lệ, quy định quản lý nội bộ đã góp phần tích cực, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của Công ty.
- Công tác đào tạo nhân lực được quan tâm đầu tư kinh phí, lập kế hoạch và thực hiện tốt một số khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ lãnh đạo và CB CNV. Các phòng, ban và đơn vị đã quan tâm thực hiện công tác đào tạo tại chỗ theo định hướng của Công ty.
- Công tác thi đua khen thưởng tiếp tục được chú trọng và thực hiện ngày một tốt hơn.

b. Đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện chính sách đối với CB CNV

- Mặc dù trong điều kiện hết sức khó khăn của nền kinh tế, việc cạnh tranh gay gắt để tìm kiếm việc làm, trong năm 2021 Công ty vẫn đáp ứng đủ việc làm cho hầu hết cán bộ công nhân viên, điều kiện làm việc tiếp tục được quan tâm và cải thiện tích cực.
- Thu nhập và đời sống CB CNV được quan tâm và nâng cao thông qua tiền lương, tiền thưởng, mức thu nhập bình quân toàn Công ty đạt 8.477.276 đồng/người/tháng,
- Các chính sách, chế độ của người lao động được quan tâm và giải quyết kịp thời, quyền lợi được đảm bảo.

c. Các mặt công tác khác

- Các mặt công tác khác như: Tài chính kế toán, Kỹ thuật công nghệ, Quản lý vật tư thiết bị được triển khai đồng bộ có tính kế hoạch cao và đạt hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tăng cường công tác quản lý, giáo dục CBCNV có ý thức chấp hành nghiêm túc chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, điều lệ của Công ty. Nâng cao ý thức trách nhiệm và kỷ luật cho toàn thể nhân viên trong Công ty.
- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi vốn các công trình đã thi công xong, hoàn thiện hồ sơ pháp lý thanh quyết toán để làm cơ sở thu hồi vốn giảm lãi vay ngân hàng.
- Quản lý thanh quyết toán cho các đội công trình đúng theo quy chế đã ban hành, kịp thời đúng chế độ
- Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch, kiểm toán kịp thời vào thời điểm kết thúc năm tài chính góp phần duy trì tài chính Công ty lành mạnh và ổn định.
- Lãnh đạo công ty đã quan tâm triệt để đến công tác an toàn lao động, chỉ đạo Ban an toàn lao động công ty thực hiện đầy đủ các quy định về công tác an toàn, tổ chức cho các CBCNV đi công tác các công trình được học tập đầy đủ các bước an toàn trước khi làm việc. Xây dựng mạng lưới an toàn viên từ công ty đến các đội công trình, tổ sản xuất, thường xuyên cử các cán bộ an toàn tham gia các khoá đào tạo về an toàn, đặc biệt là công tác an toàn trong lĩnh vực thí nghiệm điện và kiểm tra môi hàn bằng phương pháp không phá huỷ NDT. Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra về công tác ATLD tại các công trình. Tổ chức thực hành các trường hợp khẩn cấp đặc biệt với công tác NDT tại các công trình mà công ty tham gia xây dựng.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản và nợ phải trả

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2021 |
|-----|--|-------------------------|
| 1 | Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | 15.93% 84.07% |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | 77.62% 22.38% |
| 3 | Khả năng thanh toán - Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả - TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn - Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn | 1.29% 1.14% 0.01% |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận a. Lợi nhuận/doanh thu - LN trước thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th nhập khác | 2.49% |

| | |
|---|-------|
| - LN sau thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th nhập khác | 1.65% |
| b. Lợi nhuận/Tổng tài sản | |
| - LN trước thuế/Tổng tài sản | 1.9% |
| - LN sau thuế/Tổng tài sản | 1.26% |
| c. Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH | 5.63% |

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

- Hệ số thanh toán: Tổng tài sản/tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2021 là 1,29>1, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, tuy nhiên hệ số thanh toán:tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 1.65%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 5.63%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt 1.26%.
- Như vậy các hệ số của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy là tương đối tốt.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty tiếp tục duy trì việc tách riêng giữa quản trị công ty và bộ máy điều hành nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, kiểm tra của hội đồng quản trị, năng lực điều hành của ban giám đốc cũng như đảm bảo sự độc lập tương đối giữa 2 bộ máy này. Chính sự tách biệt này đã giúp cho công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ mọi hoạt động SXKD và đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời. Cũng trong năm 2021, công ty đã rà soát và sửa đổi bổ sung một số quy chế ban hành trong nội bộ công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn như: Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Nhiệm vụ kế hoạch trọng tâm năm 2022:

a. Đối với công tác tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, không ngừng kiện toàn bộ máy quản lý lãnh đạo tại Công ty.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển Công ty, thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo năm 2022, nội dung và hình thức đào tạo phong phú đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho công tác quản lý và điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ, áp dụng đồng bộ với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.- Quan tâm chính sách đối với người lao động, xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các công trường trọng điểm góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

b. Trong lĩnh vực SXKD

- Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính, khả năng thu xếp vốn của bên A, xây dựng và điều hành tốt kế hoạch hàng kỳ. Tiếp tục nâng cao năng lực công tác thị trường -Marketing cho lĩnh vực sxkd cả trong nước và nước ngoài, thực hiện tốt các hợp đồng, các dự án có hàm lượng kỹ thuật cao.
- Khai thác hiệu quả các thiết bị, công nghệ đã đầu tư, đánh giá ưu và nhược điểm, xây dựng kế hoạch đầu tư bổ sung cho giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục cải tiến các nội dung quản lý để kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng sản phẩm do Công ty thực hiện.
- Nâng cao khả năng phân tích, dự báo để lập kế hoạch và thực hiện thu mua, vật tư, thiết bị do bên A cung cấp.
- Thúc đẩy việc nâng cao năng lực, quy mô SXKD của các đơn vị, các tồn tại, yếu kém trong SXKD cần phải sớm được khắc phục.

4.2. Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch năm 2022:

| Stt | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2022(Đông) |
|-----|-----------------------------|---------------------|
| 1 | Giá trị sản xuất kinh doanh | 67.615.000.000 |
| 2 | Tổng doanh thu | 50.558.000.000 |
| 3 | Lợi nhuận | 1.011.000.000 |
| 4 | Nộp ngân sách | 2.263.000.000 |
| 5 | Thu nhập bình quân | 8.463.000 |
| 6 | Đầu tư máy móc, thiết bị | 10.000.000.000 |

4.3 Các giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu KH năm 2022:

Trên cơ sở đánh giá phân tích, Ban lãnh đạo Công ty nhận định năm 2022 tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, Công ty nói riêng sẽ còn tiếp diễn những khó khăn. Để hoàn thành được các nhiệm vụ và đạt được các mục tiêu kế hoạch năm 2022 đã đặt ra Công ty cần tiến hành

đồng thời một số giải pháp nhằm chủ động ứng biến, trong đó giải pháp tổng quát cho mục tiêu phát triển như sau:

- Một là: Cập nhật và nắm bắt kịp thời diễn biến thực tế của nền kinh tế và các chính sách của Nhà nước để có dự báo phù hợp, từ đó có sự điều chỉnh kế hoạch hàng kỳ theo kế hoạch tổng quát năm, chủ động tránh các rủi ro có thể xảy ra.
- Hai là: Hoàn thiện mô hình tổ chức trong Công ty, tiếp tục kiện toàn bộ máy tại các phòng ban và tổ đội, tối ưu hóa việc sản xuất, kinh doanh theo hướng tăng năng suất chất lượng, tiết kiệm và kiểm soát tốt chi phí nhằm giảm tối đa chi phí, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm.
- Ba là: Phát huy yếu tố con người là trung tâm của mọi hoạt động, là nguồn lực quyết định cho sự thành công và phát triển bền vững của Công ty.

a. Nhóm giải pháp cho công tác tổ chức quản lý:

- Xây dựng chính sách khoa học phù hợp đối với người lao động để phát huy năng lực làm việc của CBCNV cũng như thu hút, bổ sung lao động có chất lượng cao.
- Thực hiện tốt hơn công tác tuyển dụng, đào tạo, đào tạo tại chỗ, bổ nhiệm những người có năng lực vào vị trí nhân sự chủ chốt tại Công ty và các đơn vị đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Triển khai tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua đến người lao động có cơ hội phát huy hết những năng lực của mình.

b. Nhóm các giải pháp cho hoạt động SXKD:

- Tập trung thu hồi vốn đối với những công nợ phải thu đã đến hạn.
- Lập kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm chủ động cung cấp vốn cho nhu cầu sản xuất
- Công ty phải chủ động thường xuyên rà soát lại danh mục hợp đồng xây lắp và kiểm tra, thí nghiệm để ưu tiên cho những hợp đồng có thể thu hồi vốn nhanh, chủ động đàm phán với các chủ đầu tư về tiến độ đối với các hợp đồng đang gặp khó khăn về vốn.
- Kiện toàn nhân sự theo hướng tinh giảm nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng tốt các yêu cầu của dự án tương lai, duy trì nhân sự cốt lõi và có tay nghề cao; làm tốt công tác nghiên cứu thị trường, phân tích lựa chọn thị trường, lợi thế, mở rộng thị trường, chiến lược sản phẩm cho mỗi lĩnh vực kinh doanh.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị công nghệ đã đầu tư để nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian thi công, tiết kiệm chi phí nhân công, nâng cao hình ảnh của Công ty với các chủ đầu tư tăng sức cạnh tranh.
- Quy định trách nhiệm đối với đơn vị, cá nhân về chất lượng công trình bàn giao cho bên A, đảm bảo quản lý chất lượng tất cả các công trình do Công ty thực hiện.

c. Nhóm các giải pháp về đầu tư và hợp tác đầu tư:

- Lập kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm chủ động cho kế hoạch đầu tư.

- Phân tích, nghiên cứu cơ hội đầu tư, hợp tác đầu tư - Mở rộng đầu tư có chọn lọc trong lĩnh vực đang đầu tư và lĩnh vực mới có đủ điều kiện, phát huy lợi thế và hiệu quả cao.
- Hợp tác đầu tư với đơn vị đối tác trong và ngoài nước có tiềm năng nhằm nâng cao năng lực quản trị, tận dụng phát huy công nghệ, vốn và lợi thế của đối tác.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam, kinh tế khu vực có nhiều biến động phức tạp và khó lường, thị trường việc làm ngày càng thu hẹp, mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch 2022 của Công ty đề ra là rất lớn. Phát huy thành quả và sức mạnh mà Công ty đã giành được trong những năm qua, với tinh thần Đoàn kết - Năng động và Sáng tạo, tập thể Ban lãnh đạo cùng CB CNV toàn Công ty sẽ nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thử thách quyết tâm hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch năm 2022 đã đề ra.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của nhà nước và địa phương trong việc bảo vệ môi trường. Đặc biệt, các công trình thi công tại nhà máy tiết kiệm năng lượng, giữ gìn và bảo vệ môi trường

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Đảm bảo quyền lợi của người lao động như luật an toàn vệ sinh lao động, thực hiện chế độ thời giờ làm việc và nghỉ ngơi. Công ty hướng tới việc xây dựng môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn chấp hành tốt mọi quy định về luật bảo vệ môi trường.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2021 là năm có nhiều khó khăn và thử thách đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm Cơ điện nói riêng. Với sự chỉ đạo sáng tạo và linh hoạt của ban lãnh đạo Công ty, sự điều hành có tính kế hoạch cao và hiệu quả của hệ thống quản lý, sự đoàn kết thống nhất các mục tiêu và sự tin tưởng, nỗ lực cố gắng của các đơn vị toàn Công ty.

Công tác đảm bảo tài chính, thu xếp vốn đã đáp ứng tốt cho tất cả nhu cầu hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. Tuy công tác thu hồi vốn trong năm đã gặp không ít những khó khăn từ phía chủ đầu tư nhưng các khoản thanh toán cho tất cả các đối tượng công nợ đều được kịp thời. Công tác lập kế hoạch tài chính ngắn và trung hạn, quản lý dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đều được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ đã góp phần nâng cao năng lực công tác quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong tình hình khó khăn đã dự báo và dự đoán được một số tình hình và tập hợp được sức mạnh của phần lớn cán bộ nên công việc của Công ty được giải quyết 1 cách nhanh chóng và hiệu quả hơn. Bước đầu đã giải quyết được một số vấn đề tồn tại. Hoạt động của BGD đúng theo theo sự chỉ đạo,

điều lệ công ty. BGD chỉ đạo sản xuất kinh doanh đúng theo nghị quyết hội đồng quản trị đưa ra. BGD đã triển khai đầy đủ nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT, thực hiện đúng theo chính sách của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh những cố gắng trên còn một số vấn đề cần quan tâm như: Cần kiên quyết hơn trong điều hành với mục tiêu đề ra và phân công, phân cấp kiểm tra công việc đảm bảo cho bộ máy hoạt động hiệu quả hơn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2022 và những năm tiếp theo Công ty tiếp tục phát huy những thành quả và sức mạnh mà Công ty đã giành được trong những năm qua. Công ty sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi, cơ hội để tiếp tục đầu tư, xây dựng và phát triển, đồng thời Công ty sẵn sàng đối mặt với những khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của nền kinh tế mang lại, khắc phục khó khăn nội tại của Công ty, vận dụng thời cơ trong hoạt động SXKD và đầu tư để tiếp tục tăng trưởng, tiếp tục thành công.

Năm 2022 Công ty tập trung vào 3 mục tiêu lớn là:

- Tạo đủ công ăn việc làm cho CB CNV, tăng trưởng ổn định, kiểm soát tốt tình hình tài chính.
- Thực hiện đầu tư và hợp tác đầu tư thận trọng, hiệu quả.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược Công ty, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của hệ thống, tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đào tạo cùng với việc xây dựng văn hóa Công ty để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hiện tại và phát triển giai đoạn tiếp theo.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2021(chốt ngày 31/03/2021) | |
|-----|-----------------|-----------------|--|-----------|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Lê Văn Định | Chủ tịch HĐQT | 10.633 | 0.71 |
| 2 | Hoàng Văn Lít | Thành viên HĐQT | 45.555 | 3.04 |
| 3 | Vũ Hoàng Tùng | Thành viên HĐQT | 286.350 | 19.09 |
| 4 | Vũ Anh Tuấn | Thành viên HĐQT | 4.844 | 0.32 |
| 5 | Nguyễn Sỹ Thành | Thành viên HĐQT | 5.000 | 0.33 |

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó: 01 thành viên hoạt động độc lập không tham gia điều hành:

Lê Văn Định - Chủ tịch HĐQT

Giới tính : Nam

Số CMTND : 001070002084 Ngày cấp: 30/09/2014 Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL
cư trú và DLQG về dân cư

Ngày sinh : 17/07/1970

Địa chỉ thường trú : Số nhà 411 Tổ 28, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết bị điện, điện tử. Kỹ thuật viên NDT Level- III

Quá trình công tác:

- ❖ Tháng 9/2001 - tháng 09/2007: Cán bộ kỹ thuật tại các dự án của Công ty CP Lilama - TNCD
- ❖ Tháng 10/2007 - tháng 09/2008: Biệt phái đến Tổng công ty Lắp máy Việt Nam. Phó phòng QC quản lý NDT. Tại Ban quản lý dự án NM Lọc dầu Dung Quất
- ❖ Tháng 10/2008- tháng 12/2010: Cán bộ phòng KT – KT Công ty CP Lilama - TNCD
- ❖ Tháng 01/2011 - tháng 11/2014: Phó phòng KTKT, trưởng phòng thí nghiệm điện, trưởng phòng VR LAB-NDT Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện
- ❖ Tháng 12/2014 - tháng 06/2015: Phó phòng KTKT, chỉ huy trưởng DA NĐ Thái Bình 2, trưởng phòng thí nghiệm điện, VR LAB-NDT Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện
- ❖ Tháng 7/2015 - tháng 2/2017: Phó Tổng giám đốc, phụ trách NDT, chỉ huy trưởng DA NĐ Thái Bình 2, trưởng phòng thí nghiệm điện, trưởng phòng VR LAB - NDT Công ty CP Lắp máy – TNCD
- ❖ Tháng 3/2017 - tháng 4/2018: Phó Tổng giám đốc, chỉ huy trưởng DA NĐ Thái Bình 2, trưởng phòng thí nghiệm điện, trưởng phòng VR LAB - NDT Công ty CP Lắp máy – TNCD
- ❖ Tháng 11/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lắp máy - TNCD

Hoàng Văn Lít - Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Giới tính Nam

Số Căn cước công dân: 001070001363 ngày cấp: 01/07/2014 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Ngày tháng năm sinh 09/01/1970

Nơi sinh Hà Nội

Quê quán Cổ Loa – Đông Anh – Hà Nội

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú Xóm Nhồi - Cổ Loa - Đông Anh – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 04.35543794

Trình độ văn hoá 12/12

Số CMND: 011614921 ngày cấp: 14/03/2012 nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 16/11/1970

Nơi sinh Hà Nội

Quê quán Hoàn Kiếm - Hà Nội

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú Số 6 Giang Ngự – Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 0913.383.388

Trình độ văn hoá 12/12

Trình độ chuyên môn Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

- Từ tháng 10/1994 – tháng 5/1996 : Kỹ sư - Kỹ Thuật Xí nghiệp lắp máy 69-3 (NM XM Hoàng Thạch)

- Từ tháng 6/1996 – tháng 2/2008: Kỹ sư cơ khí Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện

- Tháng 12/2008: Phó trưởng phòng thiết bị vật tư Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện

- Tháng 4/2009: Trưởng phòng thiết bị vật tư Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện.

- Tháng/2009 đến nay: Trưởng phòng tổ chức hành chính – TV HĐQT Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện

Nguyễn Sỹ Thành - Phó Tổng giám đốc

Giới tính Nam

Số CMND: 141785237 ngày cấp: nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 21/12/1976

Nơi sinh Hải Dương

Quê quán Hải Dương

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú Hải Dương

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Kỹ sư điện

Quá trình công tác

❖ Tháng 10/2000 – tháng 12/2001: Phụ trách kỹ thuật lắp đặt điện tại Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại

- ❖ Tháng 12/2001-08/2002: Phụ trách kỹ thuật Thí nghiệm và chạy thử Nhà máy Ván ép MDF Gia Lai
- ❖ Tháng 08/2002 – 4/2003: Phụ trách kỹ thuật Thí nghiệm và chạy thử Nhà máy Xi măng Bim Sơn – Thanh Hóa
- ❖ Tháng 04/2003-10/2003: Đội phó thi công lắp đặt và thí nghiệm Dự án nhà máy điện - Đạm Phú Mỹ
- ❖ Tháng 10/2003-10/2004: Đội phó thi công lắp đặt thiết bị đo lường Dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương - Lạng Sơn
- ❖ Tháng 10/2004 – 08/2005: Đội phó thi công trạm 110Kv Lục Ngạn - Bắc Giang
- ❖ Tháng 8/2005 – 12/2007: Đội phó thi công lắp đặt Nhiệt điện Uông Bí Mở Rộng - Quảng Ninh
- ❖ Tháng 12/2007 – 05/2008: Đội trưởng thi công lắp đặt và tham gia chạy thử Dự án MP3 khí điện đạm Cà Mau
- ❖ Tháng 5/2008 – 11/2008: Đội phó lắp đặt hệ thống chống sét nhà máy xi măng Thăng Long - Quảng Ninh
- ❖ Tháng 11/2008 – 12/2009: Đội phó lắp đặt hệ thống đo lường điều khiển Nhà máy lọc dầu Dung Quất
- ❖ Tháng 7/2011 – 9/2012: Đội trưởng thi công thay thế thiết bị đo lường Nhà máy nhiệt điện Uông Bí
- ❖ Tháng 9/2012 – 11/2013: Đội trưởng thi công và thí nghiệm Nhà máy điện Nghi Sơn và Vũng áng
- ❖ Tháng 11/2013 - đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP Lắp máy - TNCD

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HDQT không thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2021 thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ sự chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám Đốc tuân thủ theo đúng điều lệ của Công ty và pháp luật của Nhà nước, đôn đốc thực hiện việc chỉ đạo SXKD đúng với nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của HDQT

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

| STT | Thành viên HDQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT | Số buổi họp HDQT tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|---------------------|---------|---|--------------------------|-------|---------------------|
| 1 | Ông Lê Văn Định | CT HDQT | | 6 | 100% | |
| 2 | Ông Hoàng Văn Lít | TV HDQT | | 6 | 100% | |
| 3 | Ông Vũ Hoàng Tùng | TV HDQT | | 6 | 100% | |
| 4 | Ông Vũ Anh Tuấn | TV HDQT | | 6 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Sỹ Thành | TV HDQT | | 6 | 100% | |

- Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 1 | 16/2021/NQ-HĐQT | 10/03/2021 | - Kết quả thực hiện SXKD quý 1 năm 2021 - Ngày đăng ký cuối cùng vào 31/03/2021 để lập danh sách chứng khoán - Dự kiến tổ chức đại hội cổ đông thường niên vào ngày 27/04/2021 |
| 2 | 58/2021/NQ-HĐQT | 23/04/2021 | - Nội dung tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 |
| 3 | 108/2021/NQ-HĐQT | 12/07/2021 | - Kết quả thực hiện SXKD quý 2 năm 2021 - Kế hoạch SXKD quý 3 năm 2021 |
| 4 | 129/2021/NQ-HĐQT | 08/10/2021 | - Kết quả thực hiện SXKD quý 3 năm 2021 - Kế hoạch SXKD quý 4 năm 2021 |
| 5 | 171/2021/NQQ-HĐQT | 24/12/2021 | - Kết quả thực hiện SXKD quý 4 năm 2021 - Kế hoạch SXKD năm 2022 |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

2. Ban kiểm soát

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2021 | |
|-----|---------------|----------------|---------------------------------------|-----------|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Lê Tuấn Anh | Trưởng BKS | 2.000 | 0.13 |
| 2 | Lê Thúy Hồng | Thành viên BKS | 0 | 0 |
| 3 | Trần Thị Diệp | Thành viên BKS | 0 | 0 |

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của BKS được quy định tại điều lệ công ty. Định kỳ BKS đã giám sát quá trình hoạt động của công ty để đưa ra những đánh giá kịp thời về công tác điều hành và quản lý của ban quản trị và ban tổng giám đốc

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó : cả 03 thành viên hoạt động độc lập không tham gia điều hành

Lê Tuấn Anh – Trưởng ban kiểm soát

Giới tính Nam
Số CMND: 024083000388 ngày cấp: 19/09/2016 nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Ngày tháng năm sinh 13/02/1983
Nơi sinh Bắc Giang
Quê quán Bắc Giang
Quốc tịch Việt Nam
Dân tộc Kinh
Địa chỉ thường trú 16/188 Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc: 0915162099
Trình độ văn hoá 12/12
Trình độ chuyên môn Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác
❖ Từ 2005 -> 2010 : Chuyên viên phòng tài chính kế toán Công ty
❖ Từ 2011-> tháng 4/2016: Phó phòng tài chính kế toán Công ty
❖ Từ tháng 05/2016 đến nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty

Lê Thúy Hồng – Thành viên ban kiểm soát

Giới tính Nữ
Số CMND: 011852291 ngày cấp: 20/08/2011 nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày tháng năm sinh 10/11/1978
Nơi sinh Hà Nội
Quê quán Hà Nội
Quốc tịch Việt Nam
Dân tộc Kinh
Địa chỉ thường trú 87 Tổ 9 Thanh Lương – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc: 0913383160
Trình độ văn hoá 12/12
Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác

| | | | | | |
|---|------------------|--------------------------|--------------------|--------------------|--|
| 6 | Vũ Thị Thu Hoài | Thư ký HĐQT | 30.000.000 | 71.147.907 | |
| 7 | Lê Tuấn Anh | Trưởng Ban kiểm soát | 174.000.000 | | |
| 8 | Lê Thúy Hồng | Thành viên Ban kiểm soát | 36.000.000 | | |
| 9 | Trần Thị Điệp | Thành viên Ban kiểm soát | 36.000.000 | 64.839.999 | |
| | Tổng cộng | | 752.400.000 | 927.987.906 | |

3.2 Giao dịch cổ phần của giao dịch nội bộ và những người có liên quan

| S T T | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...) |
|-------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------|-----------|----------------------------|-----------|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | |
| | | | | | | | |

VI- Báo cáo Tài Chính

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TM. Hội đồng quản trị

TM. Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc

Hoàng Văn Lít

Chủ tịch HĐQT



Lê Văn Định

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



| NỘI DUNG | Trang |
|--|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | |
| Bảng cân đối kế toán | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính | 9 - 23 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Thí nghiệm cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ-BXD ngày 08/01/2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05/3/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 434 - 436 Đường Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 23.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|---------------------|------------|
| Ông Lê Văn Định | Chủ tịch |
| Ông Hoàng Văn Lít | Thành viên |
| Ông Nguyễn Sỹ Thành | Thành viên |
| Ông Vũ Hoàng Tùng | Thành viên |
| Ông Vũ Anh Tuấn | Thành viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|------------------|------------|
| Ông Lê Tuấn Anh | Trưởng ban |
| Bà Lê Thúy Hồng | Thành viên |
| Bà Trần Thị Điệp | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Hoàng Văn Lít | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thành Đại | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Sỹ Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Vũ Hoàng Tùng | Kế toán trưởng |

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Quận Nam Từ Liêm - Tp Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cân phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

T.M/ Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Lê Văn Định

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Lít

Số: 251/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16/3/2022, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TÔNG THỊ BÍCH LAN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0060-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

BÙI QUANG HỢP

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 1796-2019-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: đồng | |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 118.611.082.195 | 129.437.920.005 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 1.540.009.145 | 9.734.657.397 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.540.009.145 | 134.657.397 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 9.600.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 85.906.451.039 | 74.558.792.550 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 73.031.039.108 | 43.867.685.221 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 12.277.899.974 | 28.651.212.172 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 4.057.553.440 | 5.553.421.536 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | V.5 | (3.460.041.483) | (3.513.526.379) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.6 | 30.254.159.435 | 44.015.569.399 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 30.257.675.435 | 44.019.085.399 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | (3.516.000) | (3.516.000) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 910.462.576 | 1.128.900.659 |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 910.462.576 | 1.128.900.659 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 22.477.906.058 | 24.846.312.731 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 21.788.846.953 | 23.995.333.072 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 5.521.220.576 | 7.727.706.695 |
| - Nguyên giá | 222 | | 44.072.158.225 | 44.140.558.225 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (38.550.937.649) | (36.412.851.530) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 16.267.626.377 | 16.267.626.377 |
| - Nguyên giá | 228 | | 16.267.626.377 | 16.267.626.377 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.9 | 500.000.000 | 500.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 500.000.000 | 500.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 189.059.105 | 350.979.659 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.10 | 189.059.105 | 350.979.659 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 141.088.988.253 | 154.284.232.736 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: đồng | |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 109.510.248.464 | 123.734.510.771 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 104.006.063.914 | 119.560.659.028 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 1.562.593.785 | 17.023.113.014 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 352.122.741 | 2.055.059.923 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 4.813.851.779 | 5.509.404.727 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.808.084.040 | 1.834.725.845 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 10.651.464.130 | 10.303.522.000 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 540.000.000 | 540.000.000 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 33.488.375.468 | 31.317.990.189 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15 | 50.789.571.971 | 50.976.843.330 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 5.504.184.550 | 4.173.851.743 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.11 | 1.386.572.823 | 1.386.572.823 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.14 | 311.277.052 | 311.277.052 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.16 | 627.890.000 | 1.449.522.500 |
| 4. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | V.17 | 3.178.444.675 | 1.026.479.368 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 31.578.739.789 | 30.549.721.965 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.18 | 31.578.739.789 | 30.549.721.965 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 740.110.441 | 740.110.441 |
| 3. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | (544.500) | (544.500) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 8.735.125.996 | 7.987.342.475 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 7.104.047.852 | 6.822.813.549 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 5.325.933.120 | 3.831.679.465 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 1.778.114.732 | 2.991.134.084 |
| II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 141.088.988.253 | 154.284.232.736 |

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Lê Thị Chi

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: đồng | |
|--|-------|-------------|-------------------|-----------------|
| | | | Năm 2021 | Năm 2020 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 107.054.740.722 | 133.707.428.953 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 107.054.740.722 | 133.707.428.953 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 92.302.533.711 | 119.165.796.118 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 14.752.207.011 | 14.541.632.835 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 60.745.006 | 100.171.774 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 4.464.497.198 | 3.545.242.960 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 4.286.745.683 | 3.543.218.052 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 8.021.123.481 | 7.732.525.805 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 2.327.331.338 | 3.364.035.844 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 599.629.161 | 311.737.090 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 246.693.184 | 88.766.148 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 352.935.977 | 222.970.942 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 2.680.267.315 | 3.587.006.786 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.8 | 902.152.583 | 595.872.702 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 1.778.114.732 | 2.991.134.084 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | 1.067 | 1.795 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | 1.067 | 1.795 |

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Lê Thị Chi

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Năm 2021

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2021 | Đơn vị tính: đồng Năm 2020 |
|--|-----------|------------------------|-------------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 87.730.328.515 | 126.508.249.833 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (73.901.028.724) | (104.740.710.310) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (21.294.799.762) | (19.163.873.771) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | (4.286.745.683) | (3.607.812.543) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | (249.993.452) | (183.120.159) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 17.764.729.355 | 13.930.828.928 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (12.964.727.668) | (12.725.257.838) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (7.202.237.419) | 18.304.140 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (44.650.000) | (2.469.421.364) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 1.000.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | (500.000.000) |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 60.745.006 | 4.388.827 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 17.095.006 | (2.965.032.537) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 56.299.015.899 | 72.927.134.431 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (57.307.919.758) | (63.296.167.606) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (1.008.903.859) | 9.630.966.825 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (8.194.046.272) | 6.684.238.428 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 9.734.657.397 | 3.050.042.038 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (601.980) | 376.931 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 1.540.009.145 | 9.734.657.397 |

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Lê Thị Chi

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Thí nghiệm cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ-BXD ngày 08/01/2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05/3/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 434 - 436 Đường Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 113 người (tại ngày 01/01/2021 là 170 người).

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, điều hòa nhiệt độ; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo); Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Sản xuất đồng hồ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Sửa chữa thiết bị khác;
- Xây dựng nhà để ô; Xây dựng nhà không để ô; Xây dựng công trình đường sắt;

- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung khác theo qui định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung khác theo qui định của nhà nước, cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Số năm</u> |
|--|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 20 |
| Máy móc, thiết bị | 5 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 |
| Thiết bị quản lý | 3 - 6 |
| Tài sản cố định vô hình không xác định thời hạn nên không khấu hao | |

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân

hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán. Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn và các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | | Đơn vị tính: đồng | |
|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | | | |
| - Tiền mặt | | 736.079.093 | 4.816.696 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | | 803.930.052 | 129.840.701 |
| - Các khoản tương đương tiền | | - | 9.600.000.000 |
| Cộng | | 1.540.009.145 | 9.734.657.397 |
| 2. Phải thu khách hàng | | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| <i>a) Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i> | | 49.038.462.828 | 23.633.995.667 |
| - Công ty cổ phần Lilama 69-1 | | 4.266.867.724 | 1.715.407.357 |
| - Công ty TNHH Hiếu Trâm | | 6.285.501.000 | 1.385.501.000 |
| - Công ty TNHH Khánh Hòa Solar Energy | | 14.470.000.000 | 9.555.000.000 |
| - Công ty TNHH QTS Khánh Hòa | | 9.260.501.000 | 4.385.501.000 |
| - Công ty TNHH Thịnh Cường | | 6.465.000.000 | 1.555.000.000 |
| - Các khách hàng khác | | 8.290.593.104 | 5.037.586.310 |
| <i>b) Phải thu khách hàng là bên liên quan</i> | | 23.992.576.280 | 20.233.689.554 |
| - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | | 23.992.576.280 | 20.233.689.554 |
| Cộng | | 73.031.039.108 | 43.867.685.221 |
| 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| - Công ty cổ phần Nguồn lực Nam Việt | | 238.048.651 | 6.344.648.781 |
| - Công ty TNHH Cơ khí Thương mại Việt Hoàng | | - | 13.920.990.000 |
| - Công ty cổ phần Tài nguyên Cấp Quốc tế | | 11.524.708.736 | 4.114.708.736 |
| - Các nhà cung cấp khác | | 515.142.587 | 4.270.864.655 |
| Cộng | | 12.277.899.974 | 28.651.212.172 |
| 4. Phải thu khác | | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| <i>a) Ngắn hạn</i> | | 4.057.553.440 | 5.553.421.536 |
| - Tạm ứng | | 3.223.973.758 | 3.714.693.016 |
| - Ký cược, ký quỹ | | - | 1.061.120.585 |
| - Phải thu khác | | 833.579.682 | 777.607.935 |
| Cộng | | 4.057.553.440 | 5.553.421.536 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| | | Giá gốc | Giá gốc |
| | | thẻ thu hồi | thẻ thu hồi |
| | | Dự phòng | Dự phòng |
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng | Giá gốc | 3.460.041.483 | 3.567.011.275 |
| | thẻ thu hồi | - | 53.484.896 |
| | Dự phòng | 3.460.041.483 | 3.513.526.379 |
| Cộng | | 3.460.041.483 | 3.513.526.379 |
| 6. Hàng tồn kho | | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| | | Giá gốc | Giá gốc |
| | | Dự phòng | Dự phòng |
| - Nguyên liệu, vật liệu | Giá gốc | 97.611.820 | 97.611.820 |
| | Dự phòng | 3.516.000 | 3.516.000 |
| - Công cụ, dụng cụ | Giá gốc | 22.791.272 | 58.377.272 |
| | Dự phòng | - | - |
| - Chi phí SX kinh doanh dở dang | Giá gốc | 30.137.272.343 | 43.863.096.307 |
| | Dự phòng | - | - |
| Cộng | | 30.257.675.435 | 44.019.085.399 |
| | Dự phòng | 3.516.000 | 3.516.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Quận Nam Từ Liêm - Tp Hà Nội

MÃ SỐ B 09-DN

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà xưởng vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị quản lý | Tài sản cố định khác | Đơn vị tính: đồng |
|-------------------------------|----------------------------|---------------------|------------------------|---------------------|-------------------------|-------------------|
| Nguyên giá TSCĐ | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 4.552.716.170 | 35.441.101.413 | 3.108.894.407 | 160.417.664 | 877.428.571 | 44.140.558.225 |
| Số tăng trong kỳ | - | 44.650.000 | - | - | - | 44.650.000 |
| - <i>Mua trong kỳ</i> | - | 44.650.000 | - | - | - | 44.650.000 |
| Số giảm trong kỳ | - | 113.050.000 | - | - | - | 113.050.000 |
| - <i>Thanh lý, nhượng bán</i> | - | 113.050.000 | - | - | - | 113.050.000 |
| Số dư cuối kỳ | 4.552.716.170 | 35.372.701.413 | 3.108.894.407 | 160.417.664 | 877.428.571 | 44.072.158.225 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 2.906.780.602 | 29.909.845.645 | 2.732.101.415 | 160.417.664 | 703.706.204 | 36.412.851.530 |
| Số tăng trong kỳ | 230.816.556 | 1.810.468.057 | 45.580.566 | - | 164.270.940 | 2.251.136.119 |
| - <i>Khấu hao trong kỳ</i> | 230.816.556 | 1.810.468.057 | 45.580.566 | - | 164.270.940 | 2.251.136.119 |
| Số giảm trong kỳ | - | 113.050.000 | - | - | - | 113.050.000 |
| - <i>Thanh lý, nhượng bán</i> | - | 113.050.000 | - | - | - | 113.050.000 |
| Số dư cuối kỳ | 3.137.597.158 | 31.607.263.702 | 2.777.681.981 | 160.417.664 | 867.977.144 | 38.550.937.649 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | 1.645.935.568 | 5.531.255.768 | 376.792.992 | - | 173.722.367 | 7.727.706.695 |
| Tại ngày cuối kỳ | 1.415.119.012 | 3.765.437.711 | 331.212.426 | - | 9.451.427 | 5.521.220.576 |

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.15 và V.16, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 3.993.241.133 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 3.957.274.288 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 30.563.906.702 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 24.653.376.702 đồng).

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại số 434 - 436 Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng mua bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 31/12/2007 với tổng diện tích là 341,2 m². Toàn bộ là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất tại số 436 Nguyễn Trãi có diện tích là 233,4m² đã được dùng làm tài sản để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Trảng An.

9. Đầu tư tài chính dài hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản đầu tư trái phiếu của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam có kỳ hạn là 7 năm, hưởng lãi suất thả nổi và ngày đáo hạn là ngày 24/12/2027.

10. Chi phí trả trước

a) Dài hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng
Cộng

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------------|--------------------|--------------------|
| | 189.059.105 | 350.979.659 |
| | 189.059.105 | 350.979.659 |
| Cộng | 189.059.105 | 350.979.659 |

11. Phải trả người bán

a) Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty cổ phần Thương mại Vật liệu điện Nam Hà Nội
- Công ty Risen Energy co.LTD
- Công ty cổ phần Kỹ thuật Sao Mai Việt Nam
- Các nhà cung cấp khác

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|----------------------|-----------------------|
| | 1.522.993.785 | 16.983.513.014 |
| | - | 2.400.224.642 |
| | - | 10.365.743.829 |
| | 627.890.800 | 863.888.800 |
| | 895.102.985 | 3.353.655.743 |

b) Phải trả người bán dài hạn

- Công ty cổ phần Lilama 3
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Anh Duy

| | | |
|--|----------------------|----------------------|
| | 1.386.572.823 | 1.386.572.823 |
| | 1.240.824.354 | 1.240.824.354 |
| | 145.748.469 | 145.748.469 |

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

| | | |
|--|-------------------|-------------------|
| | 39.600.000 | 39.600.000 |
| | 39.600.000 | 39.600.000 |

Cộng

| | | |
|--|----------------------|-----------------------|
| | 2.949.166.608 | 18.409.685.837 |
|--|----------------------|-----------------------|

Tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021, Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2021 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ | 31/12/2021 |
|--|----------------------|-------------------------|-------------------------------|----------------------|
| a) Phải nộp | 5.509.404.727 | 5.950.753.003 | 6.646.305.951 | 4.813.851.779 |
| - Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa | 4.435.492.239 | 4.916.235.351 | 6.179.132.257 | 3.172.595.333 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 904.110.890 | 902.152.583 | 249.993.452 | 1.556.270.021 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 169.801.598 | 126.089.549 | 210.904.722 | 84.986.425 |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 3.275.520 | 3.275.520 | - |
| - Thuế khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Cộng | 5.509.404.727 | 5.950.753.003 | 6.646.305.951 | 4.813.851.779 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

- Chi phí tiền đồng phục
- Chi phí tiền lương nghỉ phép
- Chi phí các công trình xây dựng

Cộng

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | 276.250.000 | 429.900.000 |
| | 363.131.000 | 473.657.000 |
| | 10.012.083.130 | 9.399.965.000 |
| Cộng | 10.651.464.130 | 10.303.522.000 |

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| 14. Phải trả khác | | |
| <i>a) Ngắn hạn</i> | 33.488.375.468 | 31.317.990.189 |
| - Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 2.803.997.106 | 718.421.432 |
| - Phải trả cổ tức | 1.408.955.862 | 958.972.362 |
| - Phải trả đội công trình, tạm ứng nhân viên | 24.472.088.357 | 26.753.233.820 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 4.803.334.143 | 2.887.362.575 |
| <i>b) Dài hạn</i> | 311.277.052 | 311.277.052 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 311.277.052 | 311.277.052 |
| Cộng | 33.799.652.520 | 31.629.267.241 |

Phải trả đội công trình là số dư liên quan đến hợp đồng khoán cho các đội công trình thực hiện dự án mà chưa được quyết toán. Số dư này sẽ được quyết toán giữa Công ty và các đội công trình khi các dự án hoàn thành.

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| Khoản mục | 01/01/2021 | | Trong kỳ | | 31/12/2021 | |
|-----------------------------|--------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Phân loại | Số có khả năng trả nợ | Số có khả năng trả nợ |
| - Vay ngắn hạn | 49.786.343.330 | 56.299.015.899 | (56.113.604.258) | - | 49.971.754.971 | 49.971.754.971 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | | | | | | |
| - (xem thuyết minh số V.16) | 1.190.500.000 | - | (1.190.500.000) | 817.817.000 | 817.817.000 | 817.817.000 |
| Cộng | 50.976.843.330 | 56.299.015.899 | (57.304.104.258) | 817.817.000 | 50.789.571.971 | 50.789.571.971 |

Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn như sau:

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Trảng An | 49.971.754.971 | 49.786.343.330 |
| Cộng | 49.971.754.971 | 49.786.343.330 |

Vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Trảng An theo hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-202100206 ngày 29/3/2021, hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân, trả lãi hàng tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, mở L/C và bảo lãnh. Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Trảng An.

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| Khoản mục | 01/01/2021 | | Trong kỳ | | 31/12/2021 | |
|---------------|--------------------------|----------|--------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Phân loại | Số có khả năng trả nợ | Số có khả năng trả nợ |
| - Vay dài hạn | 1.449.522.500 | - | (3.815.500) | (817.817.000) | 627.890.000 | 627.890.000 |
| Cộng | 1.449.522.500 | - | (3.815.500) | (817.817.000) | 627.890.000 | 627.890.000 |

Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn như sau:

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|----------------------|----------------------|
| - Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Trảng An | 1.445.707.000 | 2.640.022.500 |
| Cộng | 1.445.707.000 | 2.640.022.500 |

Trong đó:

| | | |
|---|-------------|---------------|
| + Số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày ở thuyết minh số V.15) | 817.817.000 | 1.190.500.000 |
| + Số phải trả sau 12 tháng | 627.890.000 | 1.449.522.500 |

Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Trảng An theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-201800254 ngày 03/4/2018 với hạn mức tín dụng là 6.500.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường. Mục đích vay để mua sắm tài sản cố định. Tài sản đảm bảo khoản vay là máy móc thiết bị thuộc dự án số 01-2018. Dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2021 là 484.937.000 đồng, trong đó số đến hạn trả năm 2022 là 484.937.000 đồng.

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-202000299 ngày 09/06/2020 với hạn mức tín dụng 4.019.981.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường. Mục đích vay mua sắm tài sản cố định. Tài sản đảm bảo khoản vay là máy móc thiết bị thuộc dự án số 01-2018. Dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2021 là 189.580.000 đồng, trong đó số đến hạn trả năm 2022 là 75.840.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-2020000820 ngày 12/12/2020 với hạn mức tín dụng 1.924.125.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường. Mục đích vay mua sắm tài sản cố định. Tài sản đảm bảo khoản vay là máy móc thiết bị thuộc dự án số 01-2018. Dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2021 là 771.190.000 đồng, trong đó số đến hạn trả năm 2022 là 257.040.000 đồng.

17. Dự phòng phải trả

Số dư đầu năm trước

- Trích lập dự phòng trong năm trước
- Hoàn nhập dự phòng trong năm trước

Số dư đầu năm nay

- Trích lập dự phòng trong kỳ
- Hoàn nhập dự phòng trong kỳ

Số dư cuối năm nay

Chi tiết:

- Dự phòng bảo hành công trình dài hạn

Cộng

**Dự phòng bảo
hành công trình**

1.163.742.543

-

(137.263.175)

1.026.479.368

2.647.970.600

(496.005.293)

3.178.444.675

31/12/2021

01/01/2021

3.178.444.675

1.026.479.368

3.178.444.675

1.026.479.368

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| Khoản mục | Đơn vị tính: đồng | | | | | Tổng cộng |
|---------------------------------|------------------------|-------------------------|--------------|-----------------------|----------------------------|----------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | LN sau thuế chưa phân phối | |
| Số dư đầu năm trước | 15.000.000.000 | 740.110.441 | (544.500) | 7.639.847.421 | 5.207.272.229 | 28.586.685.591 |
| - Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 2.991.134.084 | 2.991.134.084 |
| - Trích lập quỹ trong năm trước | - | - | - | 347.495.054 | (486.493.076) | (138.998.022) |
| - Chia cổ tức trong năm trước | - | - | - | - | (449.983.500) | (449.983.500) |
| - Giảm khác | - | - | - | - | (439.116.188) | (439.116.188) |
| Số dư đầu năm nay | 15.000.000.000 | 740.110.441 | (544.500) | 7.987.342.475 | 6.822.813.549 | 30.549.721.965 |
| - Lãi trong năm nay | - | - | - | - | 1.778.114.732 | 1.778.114.732 |
| - Trích lập quỹ trong kỳ | - | - | - | 747.783.521 | (1.046.896.929) | (299.113.408) |
| - Chia cổ tức trong kỳ | - | - | - | - | (449.983.500) | (449.983.500) |
| Số dư cuối kỳ | 15.000.000.000 | 740.110.441 | (544.500) | 8.735.125.996 | 7.104.047.852 | 31.578.739.789 |

Trích lập quỹ trong kỳ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 60/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021 như sau:

| | | |
|------------------------------------|----------------------|------|
| - Trích quỹ đầu tư phát triển: | 747.783.521 | đồng |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: | 299.113.408 | đồng |
| - Chia cổ tức: | 449.983.500 | đồng |
| | 1.496.880.429 | |

Cộng

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|--|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|
| | Giá trị | % | Giá trị | % |
| - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | 5.427.500.000 | 36,2% | 5.427.500.000 | 36,2% |
| - Các cổ đông khác | 9.572.500.000 | 63,8% | 9.572.500.000 | 63,8% |
| Cộng | 15.000.000.000 | 100,0% | 15.000.000.000 | 100,0% |

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|-----------------------------|----------------|----------------|
| + Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp đầu kỳ | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| - Vốn góp cuối kỳ | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| + Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 449.983.500 | 449.983.500 |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.500.000 | 1.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 1.500.000 | 1.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.500.000 | 1.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 55 | 55 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 55 | 55 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 1.499.945 | 1.499.945 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.499.945 | 1.499.945 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|----------------------|------------|------------|
| a) Ngoại tệ các loại | | |
| - Đô la Mỹ (USD) | 1.469,89 | 1.496,29 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | Đơn vị tính: đồng | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Năm 2021 | Năm 2020 |
| 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| - Doanh thu hợp đồng xây dựng | 107.054.740.722 | 133.707.428.953 |
| Cộng | 107.054.740.722 | 133.707.428.953 |
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| - Giá vốn hợp đồng xây dựng | 92.302.533.711 | 119.165.796.118 |
| Cộng | 92.302.533.711 | 119.165.796.118 |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 60.745.006 | 4.388.827 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá | - | 95.782.947 |
| Cộng | 60.745.006 | 100.171.774 |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| - Lãi tiền vay | 4.286.745.683 | 3.543.218.052 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá | 177.751.515 | 2.024.908 |
| Cộng | 4.464.497.198 | 3.545.242.960 |

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|----------------------|----------------------|
| 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| - Chi phí nhân viên | 5.633.295.756 | 5.110.422.295 |
| - (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi | (53.484.896) | (92.208.367) |
| - Chi phí khác | 2.441.312.621 | 2.714.311.877 |
| Cộng | 8.021.123.481 | 7.732.525.805 |
| 6. Thu nhập khác | | |
| - Thu nhập thanh lý tài sản cố định | 1.000.000 | 86.000.000 |
| - Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây dựng | 496.005.293 | 137.263.175 |
| - Thu nhập khác | 102.623.868 | 88.473.915 |
| Cộng | 599.629.161 | 311.737.090 |
| 7. Chi phí khác | | |
| - Chi phí khác | 246.693.184 | 88.766.148 |
| Cộng | 246.693.184 | 88.766.148 |
| 8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.680.267.315 | 3.587.006.786 |
| b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế | 1.830.495.603 | 669.226.798 |
| c. Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (a+b) | 4.510.762.918 | 4.256.233.584 |
| d. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20% | 20% |
| e. Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ KQKD trong kỳ (c*d) | 902.152.583 | 851.246.717 |
| f. Thuế TNDN được giảm trừ năm 2020 | - | 255.374.015 |
| g. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (e-f) | 902.152.583 | 595.872.702 |
| 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | |
| - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.778.114.732 | 2.991.134.084 |
| - Trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính/thực tế | (177.811.473) | (299.113.408) |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 1.600.303.259 | 2.692.020.676 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 1.499.945 | 1.499.945 |
| - Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.067 | 1.795 |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| - Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 1.067 | 1.795 |

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 60/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021, Công ty đã tính lại số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước được trình bày lại là 1.795 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 1.795 đồng/cổ phiếu).

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay cũng đã trừ đi số ước tính sẽ trích cho quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2021, tương ứng với tỷ lệ trích đã được phê duyệt cho năm 2020. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021.

| 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|-----------------------|------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 30.244.711.520 | 61.767.123.540 |
| - Chi phí nhân công | 24.459.309.002 | 36.289.466.615 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.251.136.119 | 2.958.363.515 |
| - Chi phí dự phòng | (53.484.896) | (92.208.367) |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 27.441.891.572 | 9.308.082.969 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 2.254.269.911 | 11.419.443.347 |
| Cộng | 86.597.833.228 | 121.650.271.619 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BC LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 31/12/2021 là 1.408.955.862 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 958.972.362 đồng), là tiền cổ tức phải trả nhưng chưa thanh toán.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Mối quan hệ

Cổ đông góp vốn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bán hàng

- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

| | Năm 2021 | Đơn vị tính: đồng Năm 2020 |
|--|----------------|-------------------------------|
| - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | 30.740.824.341 | 53.223.665.652 |

Mua hàng, dịch vụ

- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|-------------|-------------|
| - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | 181.823.324 | 586.797.205 |

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên

Chức danh

Ông Hoàng Văn Lít

Thành viên

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|-------------------|------------|------------|
| Ông Hoàng Văn Lít | 66.000.000 | 60.000.000 |

Ông Nguyễn Sỹ Thành

Thành viên

| | | |
|---------------------|------------|------------|
| Ông Nguyễn Sỹ Thành | 66.000.000 | 60.000.000 |
|---------------------|------------|------------|

Ông Vũ Hoàng Tùng

Thành viên

| | | |
|-------------------|------------|------------|
| Ông Vũ Hoàng Tùng | 66.000.000 | 60.000.000 |
|-------------------|------------|------------|

Ông Vũ Anh Tuấn

Thành viên

| | | |
|-----------------|------------|------------|
| Ông Vũ Anh Tuấn | 66.000.000 | 60.000.000 |
|-----------------|------------|------------|

Bà Vũ Thị Thu Hoài

Thư ký Hội đồng quản trị

| | | |
|--------------------|------------|------------|
| Bà Vũ Thị Thu Hoài | 30.000.000 | 28.000.000 |
|--------------------|------------|------------|

Cộng

| | | |
|-------------|--------------------|--------------------|
| Cộng | 294.000.000 | 268.000.000 |
|-------------|--------------------|--------------------|

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên

Chức danh

Bà Lê Thúy Hồng

Thành viên

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|-----------------|------------|------------|
| Bà Lê Thúy Hồng | 36.000.000 | 34.000.000 |

Bà Trần Thị Diệp

Thành viên

| | | |
|------------------|------------|------------|
| Bà Trần Thị Diệp | 36.000.000 | 34.000.000 |
|------------------|------------|------------|

Cộng

| | | |
|-------------|-------------------|-------------------|
| Cộng | 72.000.000 | 68.000.000 |
|-------------|-------------------|-------------------|

2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

Tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác

| Họ và tên | Chức danh | Năm 2021 | Năm 2020 |
|----------------------|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Lê Văn Định | Chủ tịch HĐQT | 296.400.000 | 286.400.000 |
| Ông Hoàng Văn Lít | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc | 216.000.000 | 216.000.000 |
| Ông Nguyễn Sỹ Thành | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc | 204.000.000 | 204.000.000 |
| Ông Vũ Hoàng Tùng | Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng | 204.000.000 | 204.000.000 |
| Ông Vũ Anh Tuấn | Thành viên HĐQT | 168.000.000 | 168.000.000 |
| Ông Nguyễn Thành Đại | Phó Tổng Giám đốc | 204.000.000 | 204.000.000 |
| Ông Lê Tuấn Anh | Trưởng ban kiểm soát | 174.000.000 | 164.000.000 |
| Bà Trần Thị Diệp | Thành viên ban kiểm soát | 64.839.999 | 63.705.955 |
| Bà Vũ Thị Thu Hoài | Thư ký Hội đồng quản trị | 71.147.907 | 69.102.364 |
| Cộng | | 1.602.387.906 | 1.579.208.319 |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | 23.992.576.280 | 20.233.689.554 |
| Cộng | 23.992.576.280 | 20.233.689.554 |

Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|-------------------|-------------------|
| - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | 39.600.000 | 39.600.000 |
| Cộng | 39.600.000 | 39.600.000 |

3. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có khác biệt lớn về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

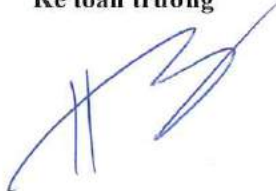
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Lê Thị Chi

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít